

# BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Số: 08:2026/CBTC - LAMAY



Doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN LÁ MÂY**  
Địa chỉ trụ sở : Thôn 3, Xã Yên Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại : 0984.90.8228 Fax:  
Email : lamayfarm@gmail.com Website: [www.lamay.com.vn](http://www.lamay.com.vn)

## CÔNG BỐ



### TIÊU CHUẨN CƠ SỞ: **TCCS 08:2026/LAMAY**

Áp dụng cho sản phẩm:

### **Tinh Bột Nghệ Đỏ Hữu Cơ**

Chúng tôi cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn cơ sở đã công bố trên đây và chịu trách nhiệm trước người tiêu dùng và cơ quan quản lý nhà nước về những tiêu chuẩn chất lượng đã công bố.



Hà Nội ngày 08 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Lê Mai Trinh*



Hà Nội ngày 08 tháng 06 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Công bố Tiêu chuẩn cơ sở**

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN LÁ MÂY**

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;
- Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007;
- Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;
- Căn cứ Thông tư 11/2021/TT-BKHCN ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;
- Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 8-1:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- Căn cứ nhu cầu sản xuất và kinh doanh của công ty, nay công ty quyết định ban hành Tiêu chuẩn cơ sở đối với sản phẩm Tinh Bột Nghệ Đò Hữu Cơ

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Ban hành tiêu chuẩn cơ sở: TCCS 08:2026/LAMAY – Áp dụng cho sản phẩm Tinh Bột Nghệ Đò Hữu Cơ.

**Điều 2:** Các bộ phận liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu HC.



GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Lê Mai Trinh*

CÔNG TY CỔ PHẦN LÁ MÂY

**TIÊU CHUẨN CƠ SỞ:  
TCCS 08:2026/LAMAY**

Áp dụng cho sản phẩm:

**Tinh Bột Nghệ Đỏ Hữu Cơ**

Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 08:2026/LAMAY do Công ty cổ phần Lá Mây công bố để áp dụng cho sản phẩm Tinh Bột Nghệ Đỏ Hữu Cơ do Công ty sản xuất và lưu hành tại Việt Nam.

Hà Nội 2026

607  
TY  
IN  
Y  
HA

## 1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh và bao gói sản phẩm Tinh Bột Nghệ Đỏ Hữu Cơ do Công ty cổ phần Lá Mây sản xuất và lưu hành tại Việt Nam.

## 2. Tài liệu viện dẫn:

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- VNT.H.03.Fo.04 – Phương pháp xác định Độ ẩm;
- TCVN 10912:2015 – Phương pháp xác định Cadimi (Cd), Chì (Pb);
- VNT.H.03.Fo.78 (2026) (Ref. AOAC 994.08) – Phương pháp xác định Aflatoxin tổng, Aflatoxin B1;
- VNT.H.03.Fo.79 (2026) – Phương pháp xác định Ochratoxin A (OTA);
- TCVN 4884-1:2015 – Phương pháp xác định Tổng số vi sinh vật hiếu khí;
- TCVN 8275-2:2010 – Phương pháp xác định Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc.

## 3. Yêu cầu về kỹ thuật

### 3.1 Chỉ tiêu cảm quan

Yêu cầu về cảm quan sản phẩm được quy định trong Bảng 1.

**Bảng 1: Các chỉ tiêu cảm quan của sản phẩm**

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng bột nguyên cục hoặc bột mịn
2	Màu sắc	Màu vàng nhạt
3	Mùi vị	Mùi thơm đặc trưng của nghệ, vị hơi đắng nhẹ, không có mùi vị lạ

### 3.2 Chỉ tiêu an toàn

Yêu cầu về các chỉ tiêu an toàn của sản phẩm được quy định trong Bảng 2

**Bảng 2: Các chỉ tiêu an toàn của sản phẩm**

STT	Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	Mức giới hạn tối đa
1	Độ ẩm	VNT.H.03.Fo.04	g/100g	15
2	Cadimi (Cd)	TCVN 10912:2015	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	TCVN 10912:2015	mg/kg	2,0

4	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	VNT.H.03.Fo.78 (2026) (Ref. AOAC 994.08)	µg/kg	10
5	Aflatoxin B1	VNT.H.03.Fo.78 (2026) (Ref. AOAC 994.08)	µg/kg	5
6	Ochratoxin A (OTA)	VNT.H.03.Fo.79 (2026)	µg/kg	30
7	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	TCVN 4884-1:2015	CFU/g	10 <sup>4</sup>
8	Tổng số nấm men – nấm mốc	TCVN 8275-2:2010	CFU/g	10 <sup>2</sup>

Ghi chú Bảng 2: Mức giới hạn tối đa được áp dụng theo: QCVN 8-2:2011/BYT – nhóm "Gia vị" (Chi 2,0; Cadimi 1,0 mg/kg); QCVN 8-1:2011/BYT – nhóm "Gia vị: gừng và nghệ" (Aflatoxin B1 ≤ 5; Aflatoxin tổng ≤ 10; Ochratoxin A ≤ 30 µg/kg). Các chỉ tiêu Độ ẩm, Tổng số vi sinh vật hiếu khí, Tổng số nấm men – nấm mốc là mức cơ sở tự công bố. Căn cứ áp dụng cho sản phẩm thuộc nhóm Gia vị: gừng và nghệ.

**4. Thành phần:** Tinh bột nghệ đỏ

**5. Đóng gói, ghi nhãn, bảo quản:**

**5.1 Quy cách bao gói:**

- Sản phẩm được đóng gói bằng hũ thủy tinh hoặc màng ghép giấy – MCCP, hoặc theo yêu cầu của khách hàng. Phù hợp quy định an toàn vật liệu tiếp xúc thực phẩm của Bộ Y Tế;
- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh 300g hoặc theo yêu cầu của khách hàng.

**5.1 Ghi nhãn:** Việc ghi nhãn sản phẩm được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, Nghị định 111/2021/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

**5.2 Hạn sử dụng:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

**5.3 Bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.

**6. Hướng dẫn sử dụng:** Hòa tan 2 - 6g tinh bột nghệ với nước hoặc sữa ấm, thêm mật ong sẽ ngon miệng hơn. Uống trước bữa ăn 30 phút hoặc sau ăn 1 giờ.

**7. Thông tin cảnh báo:** Không dùng khi sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.



GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Lê Mai Trinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 08/LAMAY/2026

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

- Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN LÁ MÂY**
- Địa chỉ: Thôn 3, Xã Yên Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 0984.90.8228 Fax:
- Email: lamayfarm@gmail.com Website:
- Mã số doanh nghiệp: 0110041601



**II. Thông tin về sản phẩm**

- Tên sản phẩm: **TINH BỘT NGHỆ ĐỎ HỮU CƠ**
- Thành phần: Tinh bột nghệ đỏ hữu cơ (100%).
- Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất xem trên bao bì sản phẩm.
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
  - Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói theo khối lượng tịnh 300g hoặc đóng gói theo yêu cầu thực tế của khách hàng
  - Chất liệu bao bì bằng màng ghép giấy - MCCP. Chất liệu bao bì đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Sản xuất tại: HTX Nông sản hữu cơ Thanh Tùng NB

Địa chỉ: Số 19, Đường Nguyễn Minh Không, Tổ dân phố Nguyễn Ngoại, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình.

Số giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000:2018):

GOOD30126.FSMS; Ngày cấp: 09/05/2026; Nơi cấp: Công ty cổ phần chứng nhận Quốc gia GOODCERT.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2026

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)



*Nguyễn Lê Mai Trinh*  
GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Lê Mai Trinh*

Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến

## TINH BỘT NGHỆ ĐỎ HỮU CƠ

**Thành phần:** Tinh bột nghệ đỏ (100%).

**NSX:** In trên bao bì sản phẩm

**HSD:** 24 tháng

**Xuất xứ:** Việt Nam

**Khối lượng tịnh:** 300 g

**Hướng dẫn sử dụng:** Hòa tan 2-6g tinh bột nghệ với nước hoặc sữa ấm, thêm mật ong sẽ ngon miệng hơn. Uống trước bữa ăn 30 phút hoặc sau ăn 1 giờ.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.

**Thông tin cảnh báo:** Không dùng khi sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.

**Chịu trách nhiệm về sản phẩm:**

CÔNG TY CỔ PHẦN LÁ MÂY

Trụ sở: Thôn 3, Xã Yên Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984.90.8228

Website: <https://lamay.com.vn/>

Sản xuất tại: HTX Nông sản hữu cơ Thanh Tùng NB. Địa chỉ: Số 19, Đường Nguyễn Minh Không, TDP Nguyên Ngoại, P Hoa Lư, T Ninh Bình.



Mã số/ Code: DV151810928/02

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



## I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/ : CÔNG TY CỔ PHẦN LÁ MÂY  
Customer's Name
- Địa chỉ/ : Thôn 3, Xã Yên Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam  
Address
- Tên mẫu thử/ : Tinh Bột Nghệ Đỏ Hữu Cơ  
Name of Sample
- Mô tả mẫu/ : Mẫu đựng trong lọ thủy tinh, nắp kín. Khối lượng: 300 g/mẫu  
Sample Description
- Ngày nhận mẫu/ : 15/05/2026  
Date sample received
- Thời gian lưu mẫu/ : Không có mẫu lưu  
Sample retention time
- Ngày thử nghiệm/ : 15/05/2026-26/05/2026  
Date of test
- Ngày trả kết quả/ : 26/05/2026  
Date of issue

## II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Độ ẩm	g/100g	14,46	VNT.H.03.Fo.04
2	Cadimi (Cd) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
3	Chì (Pb) *	mg/Kg	< LOQ = 0,08	TCVN 10912:2015
4	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	KPH (LOD = 0,3)	VNT.H.03.Fo.78 (2026) (Ref. AOAC 994.08)
5	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH (LOD = 0,3)	VNT.H.03.Fo.78 (2026) (Ref. AOAC 994.08)
6	Orchatoxin (OTA) *	µg/kg	KPH (LOD = 0,5)	VNT.H.03.Fo.79 (2026)
7	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	3,7x10 <sup>2</sup>	TCVN 4884-1:2015

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV151810928/02

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
8	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	< 10	TCVN 8275-2:2010

**Ghi chú/ Note:**

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp

**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
 QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

**VIỆN TRƯỞNG**  
 DIRECTOR



ThS. TRỊNH CÔNG SƠN



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.